

MƯỜI ĐẠI BỒ TÁT Ở ĐẦU SUẤT THIÊN CUNG

Tại Đầu Suất Thiên Cung, mười vị Đại Bồ Tát đã đọc bài kệ của mình. Quả thật, những nội dung đã nêu trong các bài kệ này – là những vấn đề – khiến người quan tâm triết lý Phật không thể bỏ qua.

Mười vị Đại Bồ Tát đó là:

Kim Cang Tràng Bồ Tát ; Kiên Cố Tràng Bồ Tát ; Dũng Mãnh Tràng Bồ Tát ;
Quang Minh Tràng Bồ Tát ; Trí Tràng Bồ Tát ; Bửu Tràng Bồ Tát ; Tinh Tấn
Tràng Bồ Tát ; Ly Cấu Tràng Bồ Tát ; Tinh Tú Tràng Bồ Tát ; Pháp Tràng Bồ Tát .

Kim Cang Tràng Bồ Tát mở đầu bài kệ, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Muốn cầu Nhứt thiết trí
Chóng thành Vô Thượng Giác
Phải dùng tâm tịnh diệu
Tu tập hạnh Bồ đề”.*

Nhắc lại, *Nhứt thiết trí* đó là trí tuệ Ba La Mật Đa. Như vậy, Kim Cang Tràng Bồ Tát nhấn mạnh việc tu tập *hạnh* sao cho thanh tịnh. *Hạnh thanh tịnh* đó là hạnh của chư Phật (Bồ Đề).

Kiên Cố Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Nếu ai tôn kính Phật
Nhớ báo đáp ơn Phật
Người đó chẳng xa lìa
Chỗ an trụ của Phật.*

*Đâu có người trí huệ
Nơi Phật thường thấy nghe
Chẳng tu nguyện thanh tịnh
Nơi đường Phật đã đi”.*

Báo đáp ơn Phật là báo đáp cái gì ? Là: cúng dường Phật. Cúng dường Phật bằng của cải vật chất chăng ? Cúng dường Phật bằng của cải trải qua muôn kiếp cũng không sơ phát tâm Bồ Đề (đã trình bày).

Kiên Cố Tràng Bồ Tát cho hay: nếu như: “*Chẳng tu nguyện thanh tịnh*” thì “*Nơi đường Phật đã đi*”. Ở đây bắt gặp vấn đề: Vậy, sự cứu độ của Như Lai thì sao ? Như đã trình bày, Như Lai, khi Ngài phát Quang minh cứu độ chúng sanh, là cho tất cả muôn loài. Ví như cơn mưa trong nắng hạn. Người lấy được nhiều, kẻ ít, lại có kẻ đứng dung ... (lấy được nhiều ít do cái bình chứa – tức do tâm của mỗi người). Đó không phải là “ơn mưa móc” của bề trên ban tặng, vì vậy mà: “*Như Lai chẳng có chúng sanh nào để độ*” (kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”) . Song “*không (độ), cũng chẳng phải là không*”(độ).

Dũng Mãnh Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Vi như ruộng phì nhiêu
Gieo trồng tất tươi tốt
Tâm thanh tịnh như vậy
Xuất sanh các Phật pháp.*

*Như người được bửu tạng
Lìa hẳn khổ nghèo cùng
Bồ Tát được Phật pháp
Tâm ly cấu thanh tịnh”.*

Muốn có tâm thanh tịnh, thì *hạnh phải thanh tịnh*. Muốn có hạnh thanh tịnh thì phải tu tập theo các cách đã trình bày trong phẩm: “Tịnh Hạnh”. Phẩm Hạnh”, Thập Hạnh”.

Trong phẩm thứ hai mươi, “Dạ Ma Cung Kệ Tán”, Lục-Lâm Bồ-Tát đã nói trong bài kệ của mình:

*“Nghệp là gốc của uẩn
Tâm là gốc các nghiệp” (đã trình bày)*

Như vậy, *Uẩn* tạo ra *ngiệp*. *Nghiệp* tạo ra *tâm*. Đây là một mệnh đề thuộc lý luận rất cơ bản và quan trọng.

Trong phạm trù *ngiệp* bao hàm *hạnh* của Bồ Tát, tại sao ? Bởi nếu *hạnh thanh tịnh* thì tạo ra các *ngiệp* tốt ; và ngược lại nếu *hạnh không thanh tịnh* thì tạo ra các *ngiệp* xấu.

Tâm, suy cho cùng, đó chỉ là tấm gương phản ánh *Nghiệp* – hay nói khác đi: Tâm chỉ là tấm gương phản ánh *hạnh* của một Bồ Tát, một con người (xin tham khảo thêm phần “Tâm và Tâm linh”).

Trong đoạn kệ trên: nói cách khác, đó là: *hạnh thanh tịnh* cũng ví như *ruộng phì nhiêu* – khi đó *gieo trồng* Phật pháp thì mới *tất tươi tốt*.

Và, sự tác động theo quy luật vòng tròn (hoặc vòng tròn ốc hướng lên): Một khi gieo trồng được Phật pháp thì mới “ngộ” ra, khi đó: *Tâm* mới *ly* (buông bỏ được tất cả). Một khi buông bỏ được tất cả thì mới *cầu* (thành) *thanh tịnh*. Một khi *thanh tịnh* tâm thì *ruộng* lại càng *phì nhiêu*. *Ruộng* càng *phì nhiêu* thì cây trồng Phật Pháp càng tươi xanh ... cứ như vậy, nối tiếp nhau ...

Ngược lại, một khi nghiệp lực xấu là nặng nề ... sự tác động theo quy luật vòng tròn (hoặc vòng tròn ốc hướng xuống) như trên là điều không tránh khỏi. Bồ Tát nếu không mau mau nhận thức ra những sai lầm ... e rằng, đến lúc nào đó, *hối* là quá muộn.

Quang Minh Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Bồ đề không hai pháp
Cũng không có các tướng
Mà ở trong hai pháp
Hiện thân tướng trang nghiêm”*.

Trong các bộ kinh “lớn” – tất cả đều nhắc đi nhắc lại vấn đề “*hai pháp*”, đó là pháp *Hữu Vi* và pháp *Vô Vi*.

Xin nhắc lại một cách hết sức cẩn trọng và rõ ràng rằng: Đây là vấn đề bức thiết hệ trọng – không phải đối với tiền đồ sự nghiệp của Phật pháp – mà đó là vấn đề bức thiết hệ trọng đối với quá trình tiến hóa của muôn loài.

Như đã trình bày: tiền đồ sự nghiệp tuyên dương giáo hóa Phật pháp thuộc về lực lượng Bồ Tát “đích thực”. Chính lực lượng Bồ Tát “đích thực” này – làm cho Phật pháp – mặc dù là pháp do đức Phật sanh ra (theo lẽ phải *diệt*) – “*chẳng đoạn diệt bao giờ*” (tham khảo thêm phần đã dẫn). Vì là Bồ Tát “đích thực” nên “*không hai*”.

Vậy tại sao lại là: “*ở trong hai pháp*” ?

Khác với *Thanh Văn* và *Duyên Giác*, Bồ Tát sanh cả vào trong *Hữu Vi* – để mà làm *trang nghiêm*. Muốn *Trang nghiêm* phải có *thanh tịnh*. Có nghĩa, làm cho *Hữu Vi* được *thanh tịnh*.

Như trong phẩm “*Vô Tận Tạng*” đã trình bày: “*Hữu Vi vốn còn tham trước nên còn sân, si và vì vậy còn trong vòng hữu sanh hữu diệt. Khi Công-Đức-Lâm Bồ-Tát nói: vì hồi-hướng hữu-vi mà không tham-trước – có nghĩa khi đó Hữu Vi không còn là Hữu Vi. Vì Hữu Vi không còn là Hữu Vi nên đó là Vô Vi vậy*”.

Một khi *Hữu Vi không tham trước*, tức *Hữu Vi* đã được *thanh tịnh*.

Bồ Tát, cũng có khi phải tự nguyện (chủ động) sanh cả vào những chốn dữ như địa ngục ... (Kinh “Duy Ma”).

Trí Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Phật thân chẳng quá khứ
Cũng chẳng phải vị lai.
Một niệm hiện xuất sanh
Thành đạo và Niết Bàn”.*

Trong *Vô Vi*, tức trong ý nghĩa của *vô hạn*, khái niệm quá khứ là không cùng. Tại sao ? Nếu nói là quá khứ thì phải trả lời đủ hai câu hỏi: từ đâu (điểm nào) ? Và thời gian nào ? Ví như nói rằng: “*Anh A từng có một tiền án*”; “*Cách đây khoảng năm tỷ năm, khi đó trái đất còn là ...*” v.v... Không thể nói rằng: “*Cách đây vi trần số tỷ năm, anh A từng có một tiền án*” ; cũng không thể nói rằng: “*Cách đây vi trần số tỷ năm, khi trái đất còn là ...*”.

Trong *Vô Vi*, một khi muốn nói đến quá khứ hoặc vị lai – là đề cập đến vấn đề “bất khả thuyết” – bởi ngôn ngữ thuộc về giới hạn của hữu hạn. Vì vậy mà:

*Phật thân chẳng quá khứ
Cũng chẳng phải vị lai.*

Trước câu hỏi: “*Phật từ đâu đến*” ? Có nghĩa: Bồ Tát thành Phật từ lúc nào ? Nếu hỏi đức Thế Tôn câu hỏi ấy – không thể nào có câu trả lời thỏa đáng được – cũng tựa như câu hỏi : Tâm ở đâu vậy ? Tại sao ? Đức Thế Tôn ngồi dưới cây Bồ đề nhập định, sau bốn mươi chín ngày thành Phật – liệu rằng nói đức Thế Tôn thành Phật từ lúc ấy mà thỏa đáng chăng ? Vậy năm trăm kiếp tu tiên trước đó thì sao ? Nếu không có năm trăm kiếp ấy, liệu rằng cái ngày Như Lai ngồi nhập định dưới cây Bồ Đề mà đạt đạo quả Vô Thượng ?

Cho nên, cũng đừng bao giờ hỏi rằng: khi nào thành Phật ? Lại càng không nên khẳng định: đời này *phải* đạt cứu cánh Niết bàn.

Chỉ và chỉ nên biết: hàng ngày, tu lấy *hạnh thanh tịnh* cho mình. Đến lúc nào đó, bỗng dưng:

*“Một niệm hiện xuất sanh
Thành đạo và Niết Bàn”.*

Đó là: khi đã tích lũy đủ về lượng (*hạnh thanh tịnh*) và, với những điều kiện nhất định (*trợ duyên của các chư Phật*) – thì, khi đó lượng (*hạnh thanh tịnh*) biến thành *chất* (*tánh Phật*) . Biện luận này là theo cách biện luận của Marx.

Bửu Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Chẳng thể dùng quốc độ
Ngày đêm mà thấy Phật
Năm tháng một sát na
Phải biết đều như vậy”.*

Không gian và thời gian của thế giới vô hạn hoàn toàn khác rất xa với không gian thời gian của thế giới hữu hạn. Năm, tháng của thế giới hữu hạn chỉ là *sát na* (đơn vị giây hoặc nhỏ hơn giây) của thế giới vô hạn. Cho nên, “ngồi miệt mài” cả *ngày đêm* – tưởng rằng như thế đã là “ghê gớm” – song, đó cũng chỉ mới là một phần rất nhỏ của giây – thì, giả như Phật có thị hiện, sao mà thấy được ?! Cho nên, lại một lần nữa, khuyên rằng: đừng có đi tìm hình bóng Phật làm gì – để rơi vào *tà đạo*.

Tịnh tấn Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Vĩ như tất cả pháp
Do các duyên sanh khởi
Thấy Phật cũng như vậy
Tất nhờ ác thiện nghiệp”.*

Pháp ở đây có nghĩa là mọi sự vật hiện tượng (chữ Pháp trong kinh Phật rất đa nghĩa, đã trình bày). Mọi sự vật hiện tượng do *duyên hợp* mà sanh (đã trình bày). *Thấy Phật cũng vậy*, có nghĩa: cũng phải do *duyên hợp* mà “thấy”.

Thấy Phật mà Tịnh tấn Tràng Bồ Tát muốn nói là như thế nào ? Đó là “thấy” Phật pháp. Có hàng muôn vàn lý do, hoàn cảnh mà đến với Phật Pháp: có người vì *ác nghiệp*, khổ cùng cực nên đến với Phật pháp để “đoạn trừ phiền não” (chữa bệnh khổ), có người đến với Phật Pháp do những *thiện nghiệp* tích lũy từ nhiều đời, kiếp trước.

Bồ Tát lấy cõi nhân gian làm cõi Phật của mình, bởi: hoa sen tỏa hương thơm ngát cũng từ tâm tối của bùn lầy.

Ly Cầu Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Thần lực tự tại hiện
Chính đây gọi là Phật
Trong tất cả thế giới
Tìm cầu trọn không có.*

*Nếu biết được như vậy
Tâm ý và các pháp
Thấy biết trọn tất cả
Chóng được thành Như Lai”.*

Phật, chính là mình.
Phật phải là chính “cái” ở trong mình.
Không thể cầu xin, dựa dẫm ... vào bất kỳ ai mà để thành Phật được.

Pháp Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Giả sử trong mỗi niệm
Cúng dường vô lượng Phật
Chưa biết pháp chơn thật
Chẳng gọi là cúng dường”.*

Như thế nào là *pháp chơn thật* ? Đó là pháp Hữu Vi.
Như thế nào là *cúng dường* ? Đó là phát tâm Bồ đề cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy. Nếu như có Bồ tát nào phát tâm Bồ đề cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì đừng bao giờ có thái độ hoài nghi về việc đạt đạo quả Vô Thượng của Bồ Tát ấy:

*“Nếu có bực trí huệ
Một niệm phát đạo tâm
Quyết thành đấng Vô thượng
Cẩn thận chớ sanh nghi”.*

(Trích từ chú giải “ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”, phẩm “Đâu Suất Kệ Tán”)